

Bản án số 47/2019/DSPT

Ngày: 20/8/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quế.

Các Thẩm phán: Ông Bằng Công Hiệp và bà Dương Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2019/TLPT - DS ngày 06 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DSST ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/QĐPT - DS ngày 01 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Nguyễn Phi C, sinh năm 1959;

1.2 Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968;

Các đương sự đều trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn HS, huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên (bà Th vắng mặt có ủy quyền cho ông C, văn bản ủy quyền ngày 31/01/2018, ông C có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Ông Dương Viết B, sinh năm 1969;

Trú tại: Tổ dân phố ÚS, thị trấn HS, huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Phi C trình bày: Ông có mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông Dương Văn B, nên năm 2012 và năm 2013 ông B có đến vay của vợ chồng ông 05 mã tiền, cụ thể:

Ngày 29/9/2012 vay 30.000.000đ; Ngày 15/10/2012 vay 30.000.000đ; Ngày 27/12/2012 vay 40.000.000đ; Ngày 23/4/2013 vay 30.000.000đ; Ngày 21/6/2013 vay 100.000.000đ. Tổng cộng: 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng);

Ngày 16/10/2012 ông B đã trả được cho ông 10.000.000đ (mười triệu đồng), còn nợ lại 220.000.000đ (hai trăm, hai mươi triệu đồng). Đến hạn trả nợ, ông đòi rất nhiều lần, nhưng ông B chỉ khát nợ mà không trả tiền cho ông. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông B phải trả lại cho ông số tiền gốc là 220.000.000đ và lãi suất chậm trả từ khi vay đến thời gian giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Dương Viết B trình bày: Do có mối quan hệ quen biết, nên ông có chơi Phường (chơi họ) với vợ chồng ông C, bà Th 03 cái phường; một cái 5.000.000đ; một cái 30.000.000đ; và một cái 3.000.000đ. Trong quá trình đóng phường, bà Th vợ ông C đã không giải quyết cho ông lấy tiền lần nào, nên ông không có tiền để đóng tiếp, ông C, bà Th yêu cầu ông viết giấy biên nhận vay tiền của vợ chồng ông bà ấy, để theo tiếp sổ phường tháng như đã nêu ở trên. Tổng số tiền ông phải viết giấy biên nhận để đóng phường là 230.000.000đ. Ngày 16/10/2012 ông đã trả cho bà Th 10.000.000đ. Số tiền còn nợ là 220.000.000đ. Số tiền trên ông đã phải trả lãi suất là 200% trên năm, và ông đã trả lãi đến hết tháng 8/2013, đến tháng 9/2013 do số lãi và số nợ quá cao, nên ông không có khả năng chơi phường tiếp và ông cũng không trả được nợ cho vợ chồng ông C. Đến cuối năm 2013 ông C, bà Th đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện PhB. Trong lần kiện đó, ông đã xuống nhà ông C hòa giải và có đưa ra sổ phường của ông đã nộp cho bà Th còn cao hơn số tiền ông viết giấy biên nhận nợ cho ông C, bà Th. Do đó ông C, bà Th đã rút đơn về và từ đó không đòi ông nữa, nay không hiểu vì lý do gì mà ông C lại làm đơn kiện ông đòi số tiền là 220.000.000đ. Đến thời điểm này, ông vẫn chưa được bà Th giải quyết cho ông lấy phường nên số tiền ông viết giấy biên nhận nợ ông C, bà Th vẫn chưa trả được.

Bà Th trình bày: Trước đây bà với ông C là vợ chồng, năm 2017 bà và ông C ly hôn. Khi ly hôn, vợ chồng bà đã thỏa thuận về việc phân chia tài sản, số tiền ông Dương Viết B ở tổ dân phố ÚS, thị trấn HS, huyện PhB nợ ông bà 05 mã tiền như trên. Bà đề nghị Tòa án giao số tiền trên cho ông C toàn quyền sử dụng, bà không có tranh chấp gì số tiền đó với ông C.

Với nội dung nêu trên, tại bản án số: 01/2019/DSST ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 463; khoản 2 Điều 357, 468 Bộ Luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phi C. Buộc ông Dương Viết B phải có trách nhiệm trả ông C số tiền gốc là 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng).

2. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B không tự nguyện thi hành số tiền trên, thì lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Viết B phải chịu 11.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Phi C 5.500.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PhB theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000618 ngày 18/10/2018.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/01/2019 ông Dương Viết B có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm vì ông cho rằng số tiền vay nợ của vợ chồng ông C thực tế là tiền chơi phường với bà Th, không phải tiền ông vay của vợ chồng ông C. Đề nghị Tòa án tỉnh xét xử lại để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông B vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm 05 giấy biên nhận vay tiền giữa ông Dương Viết B với bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Phi C đều là bản gốc cụ thể: Ngày 03/9/2012 ông B vay 30.000.000đ; Ngày 29/9/2012 ông B vay 30.000.000đ; Ngày 27/12/2012 ông B vay 40.000.000đ; Ngày 24/4/2013 ông B vay 30.000.000đ; Ngày 21/6/2013 ông B vay 100.000.000đ; Tổng cộng là 230.000.000đ. Ngày 16/10/2012 ông B trả được 10.000.000đ, còn nợ lại ông C, bà Th số tiền gốc là 220.000.000đ (hai trăm, hai mươi triệu đồng). Về giấy vay nợ và trả nợ thì cả nguyên đơn cũng như bị đơn đều công nhận là đúng thực tế. Ông C và bà Th yêu cầu ông B phải trả nợ cho ông bà, còn ông B thì cho rằng số tiền mà ông viết giấy nhận nợ với ông C, bà Th không phải là tiền vay mà là tiền chơi Phường (chơi hụi, họ). Sau khi ký giấy vay tiền thì bà Th không cho ông nhận tiền phường, do đó ông không có tiền chơi phường, mặt khác số tiền ông trả lãi hàng tháng đối

với số tiền vay 230.000.000đ của ông C, bà Th đã quá số tiền vay của ông C, bà Th, do vậy ông không nhất trí trả số tiền này cho ông C, bà Th.

[2] Căn cứ vào các giấy vay tiền của ông C, bà Th không thể hiện là tiền chơi phường (chơi hụi, họ). Quá trình giải quyết vụ án ông C vẫn khẳng định đây là số tiền mà ông B vay của ông và bà Th không phải là tiền chơi phường, còn ông B cho rằng là tiền chơi phường nhưng lại không đưa ra được bất cứ chứng cứ nào chứng minh đây là tiền ông chơi phường với bà Th, ông C và cũng không đưa ra được chứng cứ nào xác định việc ông đã trả được cho bà Th, ông C vượt quá số tiền mà ông đã ký xác nhận vay 05 mã tiền nêu trên của ông C, bà Th. Tại phiên Tòa sơ thẩm, ông C chỉ yêu cầu ông B trả cho ông số tiền còn nợ 220.000.000đ không tính lãi. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông B phải trả cho ông C, bà Th số tiền 220.000.000đ là có căn cứ. Việc ông B với bà Th nộp tiền chơi phường với nhau như thế nào, ai còn nợ ai nếu sau này ông B đưa ra được tài liệu chứng cứ, thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của ông Dương Viết B giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Viết B, giữ nguyên bản án số: 01/2019/DSST ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phi C. Buộc ông Dương Viết B phải có trách nhiệm trả ông C số tiền gốc là 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng).

2. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B không tự nguyện thi hành số tiền trên, thì ông B phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân

sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Ông Dương Viết B phải chịu 11.000.000đ (mười một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm. Xác nhận ông B đã nộp đủ án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0000694 ngày 31/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PhB. Hoàn trả ông Nguyễn Phi C số tiền 5.500.000đ (năm triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000618 ngày 18/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PhB.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND huyện PhB;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện PhB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Văn Quế

